



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

ĐT: 0252 3852 069 Fax: 0252 3852 019 Website: www.vinhhao.com.vn

DANH MỤC TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
(Ngày 11 tháng 04 năm 2019)

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;
2. Mẫu Giấy uỷ quyền;
3. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;
4. Nguyên tắc làm việc của Đại hội;
5. Hướng dẫn biểu quyết tại Đại hội;
6. Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty (đã kiểm toán);
7. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị;
8. Báo cáo của Ban Kiểm soát;
9. Tờ trình v/v kế hoạch kinh doanh năm 2019;
10. Tờ trình v/v phương án phân chia lợi nhuận năm 2018 và tạm ứng cổ tức năm 2019;
11. Tờ trình v/v lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019;
12. Tờ trình v/v phê duyệt các giao dịch đầu tư của Công ty;
13. Bản dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

ĐT: 0252 3852 069 Fax: 0252 3852 019 website: www.vinhhao.com.vn

THÔNG BÁO

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”) kính mời Quý cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty như sau:

Thời gian: 08 giờ 30 phút, Thứ Năm, ngày 11 tháng 04 năm 2019.

Địa điểm: Tại Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Nội dung chính của Đại hội:

- Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị;
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc Công ty;
- Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018;
- Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2018;
- Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2019;
- Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm 2019;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều kiện tham dự Đại hội: Cổ đông sở hữu cổ phiếu theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/3/2019.

Đăng ký tham dự: Để công tác tổ chức được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông thực hiện thủ tục xác nhận tham dự hoặc uỷ quyền người khác tham dự Đại hội theo mẫu Uỷ quyền gửi kèm thư mời và gửi về trụ sở chính của Công ty theo đường bưu điện hoặc gửi fax đến Công ty trước 17 giờ ngày 10/4/2019.

Cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau: Thư mời họp, giấy uỷ quyền tham dự Đại hội (trường hợp nhận uỷ quyền tham dự Đại hội), CMND/ Hộ chiếu còn hiệu lực.

Các tài liệu liên quan đến Đại hội: Kính mời Quý cổ đông xem Chương trình chi tiết và các tài liệu dự họp được đăng tải trên trang web của Công ty tại địa chỉ: www.vinhhao.com.vn.

Mọi chi tiết liên quan đến đại hội, Quý Cổ đông xin vui lòng liên lạc:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

GCN ĐKKD số: 3400178402, do Phòng ĐKKD-Sở KH&ĐT tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 09/3/1995 (được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm).

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

Người liên hệ: Cô Đỗ Thị Hoàng Yến – Điện thoại: 028.62563862 – Ext: 5201 Fax: 028.38274115

Tỉnh Bình Thuận, ngày 01 tháng 04 năm 2019

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT

(Đã ký, đóng dấu)

PHẠM HỒNG SƠN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN DỰ HỌP

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Tên cổ đông:
Mã cổ đông:
CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD số: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú/ Trụ sở chính:
Điện thoại: Fax: Email:
Số cổ phần sở hữu: cổ phần

Bằng văn bản này tôi/ chúng tôi ủy quyền cho:

Ông/ Bà: Năm sinh:
CMND/ Hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ:

được quyền thay mặt tôi/ chúng tôi tham dự và biểu quyết trên cổ phần đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của cổ đông trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 tổ chức ngày 11/4/2019 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.

Văn bản ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ký và hết hiệu lực khi kết thúc phiên họp Đại hội đồng cổ đông Công ty như đã nêu trên.

Tôi/ Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền này.

....., ngày tháng năm 2019

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(ký ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(ký ghi rõ họ tên – đóng dấu nếu là tổ chức)

.....

.....



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

ĐT: 0252 3852 069 Fax: 0252 3852 019 website: www.vinhhao.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
(Ngày 11 tháng 04 năm 2019)

STT	CHƯƠNG TRÌNH	THỜI GIAN
1	Đón khách và kiểm tra tư cách Đại biểu	8h30' – 9h00'
2	Khai mạc cuộc họp	9h00' – 9h05'
3	- Báo cáo kiểm tra tư cách Đại biểu - Bầu Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban kiểm phiếu - Thông qua nguyên tắc làm việc của Đại hội	9h05' – 9h20'
4	Thông qua Chương trình họp	9h20' – 9h25'
5	Báo cáo của Hội đồng Quản trị	9h25' – 9h40'
6	Báo cáo của Ban Kiểm soát	9h40' – 9h50'
7	Báo cáo của Tổng Giám đốc	9h50' – 10h05'
8	Đề xuất của Hội đồng Quản trị về: - Phương án phân chia lợi nhuận năm 2018; - Kế hoạch tạm ứng cổ tức năm 2019; - Kế hoạch kinh doanh năm 2019; - Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm 2019; - Thù lao của HĐQT, BKS năm 2019; - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	10h05' – 10h20'
9	Biểu quyết thông qua các nghị quyết của Đại hội	10h20' – 10h25'
10	Nghỉ giải lao	10h25' – 10h35'
11	Phát biểu ý kiến và thảo luận	10h35' – 10h45'
12	Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu	10h45' – 10h50'
13	Đọc Biên bản họp Bế mạc cuộc họp	10h50' – 11h00'



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

ĐT: 0252 3852 069 Fax: 0252 3852 019 website: www.vinhhao.com.vn

NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
(Ngày 11 tháng 04 năm 2019)

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo được tiến hành khi có số cổ đông/ người ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/3/2019 (được cập nhật đến ngày tổ chức Đại hội).
2. Đại hội đồng cổ đông làm việc theo chương trình, nội dung đã được thông qua.
3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp, được phát 3 Phiếu biểu quyết, gồm:
 - Phiếu biểu quyết giơ tay: Biểu quyết bằng hình thức giơ phiếu, không thu vào thùng phiếu.
 - Phiếu biểu quyết số 1: Biểu quyết thông qua các vấn đề in sẵn trong Phiếu biểu quyết.
 - Phiếu biểu quyết số 2: Dùng để biểu quyết khi phát sinh vấn đề mới tại Đại hội cần phải bỏ phiếu kín.
4. Cổ đông kiểm tra lại số lượng Phiếu biểu quyết được nhận và các thông tin ghi trên Phiếu biểu quyết (đặc biệt là tổng số phiếu biểu quyết), nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban tổ chức để được cấp lại Phiếu biểu quyết chính xác.
5. Đoàn Chủ tịch có quyền điều hành Đại hội theo quy định pháp luật và cổ đông dự họp có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật và quyết định của Đoàn Chủ tịch.
6. Cổ đông bỏ ra về khi chưa hết chương trình Đại hội thì coi như cổ đông đó tự ý từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình tại Đại hội từ thời điểm đó.
7. Cổ đông đến muộn sẽ được tham gia biểu quyết các vấn đề phát sinh sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký dự họp Đại hội.
8. Cổ đông tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến đề nghị đăng ký với Ban tổ chức Đại hội hoặc giơ tay. Chủ tọa sẽ mời từng cổ đông phát biểu. Đề nghị cổ đông không phát biểu những nội dung không liên quan đến chương trình họp đã được Đại hội thông qua.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2019

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 13 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Điều lệ Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo xin công bố thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty như sau:

1. Phiếu biểu quyết:

Ban tổ chức phát hành 02 loại Phiếu biểu quyết, gồm:

- 1.1. Phiếu biểu quyết giơ tay: để biểu quyết một số vấn đề thông thường theo đề nghị của Đoàn Chủ tịch tại cuộc họp và không phải thu vào thùng phiếu.
- 1.2. Phiếu biểu quyết lựa chọn (lựa chọn: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến): để biểu quyết về vấn đề quan trọng trình xin ý kiến Đại hội theo báo cáo, đề nghị của Đoàn Chủ tịch tại cuộc họp và được thu vào thùng phiếu.

2. Cách thức biểu quyết:

- 2.1. **Đối với Phiếu biểu quyết giơ tay:** biểu quyết theo phổ thông đầu phiếu.

Đối với một số vấn đề thông thường như bầu Ban kiểm phiếu; thông qua Chương trình họp, Nghị quyết của Đại hội, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp giơ Phiếu biểu quyết giơ tay khi Đoàn Chủ tịch lần lượt đề nghị biểu quyết: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến.

- 2.2. **Đối với Phiếu biểu quyết lựa chọn** (lựa chọn: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến): biểu quyết theo số cổ phần đại diện.

2.2.1 Đề nghị cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đánh dấu V hoặc X vào **một** trong 03 ô cần biểu quyết: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến.

2.2.2 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp không đánh dấu vào bất kỳ ô nào hoặc không bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu thì được xem là **Không có ý kiến**.

- 2.3. Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để xin cấp lại phiếu biểu quyết mới và phải nộp lại phiếu cũ.

3. Nguyên tắc xác định Phiếu biểu quyết hợp lệ và Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

3.1. Phiếu biểu quyết hợp lệ:

- Phiếu biểu quyết hợp lệ theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra có đóng dấu của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định;
- Đối với Phiếu biểu quyết dưới hình thức lựa chọn (Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến) chỉ được đánh dấu V hoặc X vào **một** trong 03 ô cần biểu quyết: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến.

3.2. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Phiếu biểu quyết không phải do Ban tổ chức phát ra; hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định.
- Đánh dấu nhiều hơn một sự lựa chọn trong ba hình thức lựa chọn: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến đối với Phiếu biểu quyết dưới hình thức lựa chọn; hoặc đánh dấu khác dấu X hoặc V.

4. Nguyên tắc thu, kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu:

4.1. Sau khi biểu quyết, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu đã được niêm phong. Để việc kiểm phiếu được nhanh chóng, đề nghị Quý cổ đông không gấp, vò các Phiếu biểu quyết khi bỏ vào thùng phiếu. Việc thu Phiếu biểu quyết kết thúc khi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có mặt tại cuộc họp đã cho Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu hoặc khi kết thúc thời hạn thu Phiếu biểu quyết do Ban kiểm phiếu và bầu cử thông báo.

4.2. Thủ tục kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi kết thúc việc bỏ phiếu.

4.3. Kết quả kiểm phiếu được lập thành Biên bản có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu bao gồm các nội dung chính theo quy định pháp luật và được công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

5. Thông qua quyết định của Đại hội:

Quyết định của Đại hội được thông qua dưới hình thức biểu quyết khi đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty:

5.1. Đối với (A) loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại của Công Ty, (B) thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công Ty, (C) thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty, (D) quyết định đầu tư, quyết định giao dịch mua hoặc bán tài sản của Công Ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty, và (E) tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty: có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền dự họp chấp thuận.

5.2. Các vấn đề khác: có ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông có mặt trực tiếp hoặc người đại diện theo ủy quyền dự họp chấp thuận.

6. Khiếu nại về việc biểu quyết và kiểm phiếu:

- Mọi khiếu nại, thắc mắc về việc biểu quyết và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu giải quyết trong trường hợp khiếu nại, thắc mắc được nêu trước khi Biên bản họp được công bố.



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
và công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**



Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

3400178402

ngày 9 tháng 3 năm 1995

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 6 tháng 5 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hồng Sơn
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Phạm Đình Toại
Ông Phạm Duy Hưng

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(đến ngày 11 tháng 4 năm 2018)
Thành viên
(từ ngày 12 tháng 4 năm 2018)

Ông Nguyễn Trọng Hiền

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Hiền
Ông Bùi Đức Anh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo
Huyện Tuy Phong
Tỉnh Bình Thuận
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Trọng Hiền
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Thuận, ngày 7 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

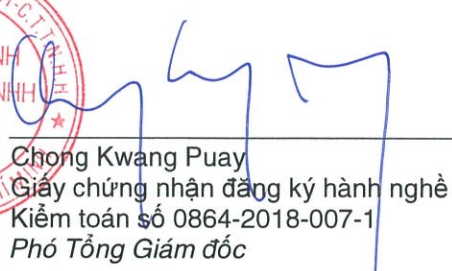
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00568-19-2




Chong Kwang Puay
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0864-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Chang Hung Chun
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		316.058.556.934	271.115.275.664
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	148.259.253.808	156.909.733.917
Tiền	111		2.259.253.808	3.109.733.917
Các khoản tương đương tiền	112		146.000.000.000	153.800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		133.766.533.690	59.992.233.885
Phải thu của khách hàng	131	5	113.084.879.221	45.084.391.888
Trả trước cho người bán	132		18.847.615.619	13.238.242.537
Phải thu ngắn hạn khác	136	6(a)	1.834.038.850	1.677.189.166
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		-	(7.589.706)
Hàng tồn kho	140	7	32.183.539.930	51.358.694.835
Hàng tồn kho	141		34.399.159.065	51.497.440.357
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.215.619.135)	(138.745.522)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.849.229.506	2.854.613.027
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		417.518.787	1.517.088.161
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.431.710.719	1.337.524.866
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		508.769.869.828	596.392.228.343
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.408.926.791	3.052.436.791
Phải thu dài hạn khác	216	6(b)	1.408.926.791	3.052.436.791
Tài sản cố định	220		485.205.184.068	576.509.394.982
Tài sản cố định hữu hình	221	8	184.641.814.909	214.814.386.430
Nguyên giá	222		362.383.359.102	362.439.145.561
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(177.741.544.193)	(147.624.759.131)
Tài sản cố định vô hình	227	9	300.563.369.159	361.695.008.552
Nguyên giá	228		368.237.660.068	409.285.415.068
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.674.290.909)	(47.590.406.516)
Tài sản dở dang dài hạn	240		11.589.626.552	3.631.315.341
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	11.589.626.552	3.631.315.341
Tài sản dài hạn khác	260		10.566.132.417	13.199.081.229
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	9.992.795.985	8.272.696.307
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	573.336.432	4.926.384.922
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		824.828.426.762	867.507.504.007

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 ((Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính))

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		181.180.809.763	304.700.024.988
Nợ ngắn hạn	310		93.836.291.896	157.714.262.769
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	47.812.884.486	71.931.767.809
Người mua trả tiền trước	312		79.270.242	1.941.066.767
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	19.584.225.082	10.871.323.213
Chi phí phải trả	315	15	14.283.648.428	44.169.554.633
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	1.281.498.370	928.255.596
Vay ngắn hạn	320	17	10.038.055.272	27.115.584.735
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		756.710.016	756.710.016
Nợ dài hạn	330		87.344.517.867	146.985.762.219
Phải trả người bán dài hạn	331	13	34.357.772.000	75.405.528.000
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	218.434.000	16.699.996.007
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	12	49.623.823.617	53.426.451.837
Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.144.488.250	1.453.786.375
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	18	643.647.616.999	562.807.479.019
Vốn chủ sở hữu	410	18	643.647.616.999	562.807.479.019
Vốn cổ phần	411	19	131.000.000.000	131.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	19	14.208.000.000	14.208.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	1.756.439.018	1.756.439.018
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		496.679.285.497	415.838.768.751
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		415.838.768.751	317.455.738.769
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		80.840.516.746	98.383.029.982
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.892.484	4.271.250
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		824.828.426.762	867.507.504.007

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán Tổng hợp

Voòng Sau Nhộc
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Hiền
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	688.461.004.059	793.859.357.738
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	3.214.944.133	29.681.633.062
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	685.246.059.926	764.177.724.676
Giá vốn hàng bán	11	23	542.066.864.113	421.231.017.182
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		143.179.195.813	342.946.707.494
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4.938.001.861	7.329.366.120
Chi phí tài chính	22	25	1.489.218.994	5.021.709.269
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.469.567.444</i>	<i>5.021.371.419</i>
Chi phí bán hàng	25		5.826.670.028	181.362.925.106
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	38.757.908.475	49.266.265.208
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		102.043.400.177	114.625.174.031
Thu nhập khác	31		344.092.182	305.057.168
Chi phí khác	32		963.377.865	181.087.077
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(619.285.683)	123.970.091
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		101.424.114.494	114.749.144.122
Chi phí thuế TNDN – hiện hành	51	28	20.033.556.244	19.999.989.570
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN – hoãn lại	52	28	550.420.270	(3.633.491.322)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		80.840.137.980	98.382.645.874

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang từ trang trước sang)	60		80.840.137.980	98.382.645.874
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		80.840.516.746	98.383.029.982
Cổ đông không kiểm soát	62		(378.766)	(384.108)

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh
Kế toán Tổng hợp



Võòng Sau Nhộc
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Hiền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	101.424.114.494	114.749.144.122
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	53.140.324.319	54.967.651.704
Các khoản dự phòng	03	4.468.946.655	10.625.970
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.499.591.662)	(7.281.445.086)
Chi phí lãi vay	06	1.469.567.444	5.021.371.419
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	156.003.361.250	167.467.348.129
Biến động các khoản phải thu và các tài sản khác	09	(70.392.433.733)	(9.598.993.390)
Biến động hàng tồn kho	10	16.396.910.125	(17.911.577.607)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(64.873.816.895)	(32.706.385.960)
Biến động chi phí trả trước	12	4.494.611.874	(530.960.093)
		41.628.632.621	106.719.431.079
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.566.315.532)	(6.420.440.819)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.345.133.607)	(12.474.959.313)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	26.717.183.482	87.824.030.947

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03- DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(23.482.690.519)	(18.595.990.341)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	335.090.909	1.091.409
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	-	(62.400.000.000)
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	-	62.400.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	4.857.465.482	7.583.706.908
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(18.290.134.128)	(11.011.192.024)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	112.047.374.650	155.050.575.851
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(129.124.904.113)	(278.254.126.855)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(17.077.529.463)	(123.203.551.004)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(8.650.480.109)	(46.390.712.081)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	156.909.733.917	203.300.445.998
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	148.259.253.808	156.909.733.917

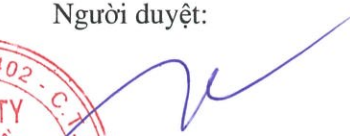
Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:


Nguyễn Thị Thanh
Kế toán Tổng hợp


Voòng Sau Nhộc
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Trọng Hiền
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đồ uống không cồn, nước khoáng và sản xuất bao bì nhựa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có 1 công ty con sở hữu trực tiếp (1/1/2018: 1 công ty con sở hữu trực tiếp). Chi tiết thông tin của công ty con được trình bày như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm vốn cổ phần và quyền biểu quyết tại ngày	
			31/12/2018	1/1/2018
Công ty con Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	Sản xuất đồ uống	Km 37, Xa lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	99,99%	99,99%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có 413 nhân viên (1/1/2018: 382 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ các báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	4 - 30 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 - 15 năm

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai (2003) mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 19 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng là 5 năm.

(iii) Thương hiệu

Giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(iv) Tài nguyên nước khoáng

Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá chào bán/giá giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự nằm trong cùng khu vực. Phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn là phương pháp định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng là 19 năm.

(v) Quyền khai thác

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 19 đến 30 năm.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu bán hàng không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá.

Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay ngân hàng và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá và ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan này.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền gửi ngân hàng	2.259.253.808	3.109.733.917
Các khoản tương đương tiền	146.000.000.000	153.800.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	<u>148.259.253.808</u>	<u>156.909.733.917</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc 3 tháng hoặc thấp hơn kể từ ngày giao dịch.

5. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu từ các bên liên quan	<u>112.835.520.844</u>	<u>40.237.673.392</u>

Xem thêm Thuyết minh 29 trình bày chi tiết số dư giữa Tập đoàn và các bên liên quan. Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi 30 đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	339.330.137	349.284.444
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	500.000.000	500.000.000
Phải thu khác	994.708.713	827.904.722
	1.834.038.850	1.677.189.166

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Các khoản ký quỹ dài hạn	1.408.926.791	3.052.436.791

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	5.643.239.998	-
Nguyên vật liệu	15.680.237.169	-	18.697.245.751	(130.503.437)
Công cụ và dụng cụ	18.717.717.004	(2.215.619.135)	21.445.800.920	-
Thành phẩm	-	-	5.643.576.426	(8.242.085)
Hàng hóa	1.204.892	-	67.577.262	-
	34.399.159.065	(2.215.619.135)	51.497.440.357	(138.745.522)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	138.745.522	4.637.141.485
Tăng dự phòng trong năm	2.778.244.780	673.871.642
Sử dụng dự phòng trong năm	(701.371.167)	(4.941.020.808)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(231.246.797)
Số dư cuối năm	2.215.619.135	138.745.522

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	121.347.633.361	3.716.382.792	227.974.143.590	9.400.985.818	362.439.145.561
Tăng trong năm	121.578.319	-	903.134.679	-	1.024.712.998
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.862.318.879	-	679.846.950	-	2.542.165.829
Thanh lý	-	(131.682.347)	(347.526.000)	-	(479.208.347)
Xóa sổ	(289.359.020)	-	(1.404.097.919)	(1.450.000.000)	(3.143.456.939)
Số dư cuối năm	123.042.171.539	3.584.700.445	227.805.501.300	7.950.985.818	362.383.359.102
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	40.809.944.214	1.992.458.222	99.721.934.755	5.100.421.940	147.624.759.131
Khấu hao trong năm	9.693.479.840	664.365.783	21.960.485.315	738.108.988	33.056.439.926
Thanh lý	-	(131.682.347)	(347.526.000)	-	(479.208.347)
Xóa sổ	(289.359.020)	-	(1.404.097.919)	(766.989.578)	(2.460.446.517)
Số dư cuối năm	50.214.065.034	2.525.141.658	119.930.796.151	5.071.541.350	177.741.544.193
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	80.537.689.147	1.723.924.570	128.252.208.835	4.300.563.878	214.814.386.430
Số dư cuối năm	72.828.106.505	1.059.558.787	107.874.705.149	2.879.444.468	184.641.814.909

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 28.738 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 26.302 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Thương hiệu VND	Tài nguyên nước khoáng VND	Quyền khai thác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	24.429.749.720	673.088.000	500.000.000	279.300.000.000	104.382.577.348	409.285.415.068
Giảm khác	-	-	-	-	(41.047.755.000)	(41.047.755.000)
Số dư cuối năm	24.429.749.720	673.088.000	500.000.000	279.300.000.000	63.334.822.348	368.237.660.068
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.174.098.026	556.847.149	170.833.335	32.858.823.528	9.829.804.478	47.590.406.516
Khấu hao trong năm	949.653.803	60.647.400	50.000.000	16.429.411.764	2.594.171.426	20.083.884.393
Số dư cuối năm	5.123.751.829	617.494.549	220.833.335	49.288.235.292	12.423.975.904	67.674.290.909
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	20.255.651.694	116.240.851	329.166.665	246.441.176.472	94.552.772.870	361.695.008.552
Số dư cuối năm	19.305.997.891	55.593.451	279.166.665	230.011.764.708	50.910.846.444	300.563.369.159

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 490 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 490 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2018 VND
Số dư đầu năm	3.631.315.341
Tăng trong năm	15.615.619.218
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.542.165.829)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(5.115.142.178)
Số dư cuối năm	11.589.626.552

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Nhà cửa	1.664.142.310	3.151.606.310
Máy móc và thiết bị	9.339.098.982	469.829.031
Khác	586.385.260	9.880.000
	11.589.626.552	3.631.315.341

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ 2018 VND
Số dư đầu năm	8.272.696.307
Tăng trong năm	681.340.313
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.115.142.178
Phân bổ trong năm	(4.073.751.375)
Thanh lý	(2.631.438)
Số dư cuối năm	9.992.795.985

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2018		1/1/2018	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND
Chi phí kho vận phải trả	-	-	1.193.902.453	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi phải trả	-	-	2.466.380.451	-
Chiết khấu thương mại phải trả	-	-	1.211.050.547	-
Chi phí phải trả khác	573.336.432	-	55.051.471	-
Tài sản cố định hữu hình và vô hình	-	49.623.823.617	-	53.426.451.837
	573.336.432	49.623.823.617	4.926.384.922	53.426.451.837

13. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2018 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2018 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	47.812.884.486	71.931.767.809
Dài hạn	34.357.772.000	75.405.528.000

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải trả các bên liên quan	20.855.770.961	47.347.145.074

Xem thêm Thuyết minh 29 trình bày chi tiết số dư giữa Tập đoàn và các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ của công ty mẹ và các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Phát sinh VND	Nộp/hoàn lại VND	Khấu trừ VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	391.664.536	67.785.113.687	(15.803.461.080)	(49.444.273.345)	2.929.043.798
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.487.394.386	20.033.556.244	(13.345.133.607)	-	16.175.817.023
Thuế thu nhập cá nhân	53.864.014	217.779.067	(223.875.019)	-	47.768.062
Các loại thuế khác	938.400.277	5.840.075.804	(6.346.879.882)	-	431.596.199
	10.871.323.213	93.876.524.802	(35.719.349.588)	(49.444.273.345)	19.584.225.082

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí phải trả

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	-	16.988.151.416
Chi phí kho vận	-	8.223.465.947
Thưởng và lương tháng 13	6.005.767.929	2.603.263.927
Chiết khấu thương mại	-	8.341.580.092
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230.420.000	1.885.284.071
Chi phí lãi vay	64.733.235	161.481.323
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	2.080.711.429	1.379.210.172
Phí gia công phải trả	3.731.848.752	2.460.149.439
Chi phí khác	2.170.167.083	2.126.968.246
	14.283.648.428	44.169.554.633

16. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	161.018.564	30.389.180
Ký quỹ ngắn hạn	202.334.495	-
Các khoản phải trả khác	918.145.311	897.866.416
	1.281.498.370	928.255.596

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Ký quỹ vô bình và kết (*)	-	16.699.996.007
Các khoản phải trả khác	218.434.000	-
	218.434.000	16.699.996.007

(*) Đây là khoản ký quỹ dài hạn nhận được từ nhà phân phối và khách hàng cho vô bình và kết. Các khoản này sẽ được hoàn lại khi chấm dứt hợp đồng phân phối hoặc khi vô bình và kết được trả lại cho Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Vay ngắn hạn**

	1/1/2018		Biến động trong năm		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	27.115.584.735	27.115.584.735	112.047.374.650	129.124.904.113	10.038.055.272	10.038.055.272

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	5,3% - 5,54%	6.375.168.903	17.221.107.865
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	5,3% - 5,54%	3.662.886.369	9.894.476.870
			10.038.055.272	27.115.584.735

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	131.000.000.000	14.208.000.000	1.756.439.018	317.455.738.769	4.655.358	464.424.833.145
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	98.383.029.982	(384.108)	98.382.645.874
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	131.000.000.000	14.208.000.000	1.756.439.018	415.838.768.751	4.271.250	562.807.479.019
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	80.840.516.746	(378.766)	80.840.137.980
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	131.000.000.000	14.208.000.000	1.756.439.018	496.679.285.497	3.892.484	643.647.616.999

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

19. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.100.000	131.000.000.000	13.100.000	131.000.000.000
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.100.000	131.000.000.000	13.100.000	131.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		14.208.000.000		14.208.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng 1 năm	1.114.128.000	2.645.729.400
Trong vòng 2 đến 5 năm	-	1.561.300.000
	1.114.128.000	4.207.029.400

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tập đoàn có các cam kết vốn đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.376.483.807	2.536.779.972
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	49.146.784.940	3.065.327.922
	51.523.268.747	5.602.107.894

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	556.144.903.098	685.087.115.311
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	132.316.100.961	108.772.242.427
	688.461.004.059	793.859.357.738
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	2.723.547.258	29.120.885.318
▪ Hàng bán bị trả lại	491.396.875	560.747.744
	3.214.944.133	29.681.633.062
Doanh thu thuần	685.246.059.926	764.177.724.676

23. Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Bán thành phẩm	466.470.816.707	377.828.375.320
▪ Dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	72.817.802.626	42.960.017.017
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.778.244.780	442.624.845
	542.066.864.113	421.231.017.182

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.847.511.175	7.313.900.519
Lãi chênh lệch tỷ giá	90.490.686	15.465.601
	4.938.001.861	7.329.366.120

25. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	1.469.567.444	5.021.371.419
Lỗ chênh lệch tỷ giá	19.651.550	337.850
	1.489.218.994	5.021.709.269

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	10.725.846.462	5.143.033.008
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	91.458.018	190.077.623
Chi phí nghiên cứu và phát triển	380.833.860	26.236.125
Phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất	19.013.141.088	19.013.141.088
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.619.236.647	3.078.625.871
Chi phí dịch vụ quản lý	2.011.701.519	16.532.755.501
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.915.690.881	5.282.395.992
	38.757.908.475	49.266.265.208

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	360.494.273.089	276.072.573.399
Chi phí nhân công	47.190.812.444	36.353.722.007
Phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất	19.013.141.088	19.013.141.088
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.127.183.231	35.954.510.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.961.995.586	262.502.782.331
Chi phí khác	14.864.037.178	21.963.478.055

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2018 VND	2017 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	14.958.505.067	19.999.989.570
Dự phòng thiếu trong năm trước	5.075.051.177	-
	20.033.556.244	19.999.989.570
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	2.084.475.109	(1.726.019.872)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(1.534.054.839)	(1.907.471.450)
	550.420.270	(3.633.491.322)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	20.583.976.514	16.366.498.248

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	101.424.114.494	114.749.144.122
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20.284.822.899	22.949.828.824
Chi phí không được khấu trừ thuế	467.497.856	414.373.710
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(1.534.054.839)	(1.907.471.450)
Ưu đãi thuế cho dự án đầu tư mở rộng	(4.285.982.030)	(5.781.649.491)
Dự phòng thiếu trong năm trước	5.075.051.177	-
	20.007.335.063	15.675.081.593
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	576.641.451	691.416.655
	20.583.976.514	16.366.498.248

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp tại mức thuế suất thông thường là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Ngoài ra, Công ty có dự án mở rộng thuộc địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các điều khoản của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP và đáp ứng một trong các tiêu chí theo quy định của Thông tư 78/2014/TT-BTC, được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 96/2015/TT-BTC, và do đó Công ty được hưởng ưu đãi về thời gian miễn thuế và giảm thuế đối với phần thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mở rộng (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư mở rộng có thu nhập chịu thuế; và
- Giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.

Công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm trả. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chứng từ xác định giá trị thị trường trong giao dịch kinh doanh với các bên liên quan và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu và số dư với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
	2018 VND	2017 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty mẹ của công ty mẹ				
Công ty Cổ phần				
Hàng tiêu dùng Masan				
▪ Bán thành phẩm và hàng hóa	352.331.601.600	754.531.022	50.454.047.341	-
▪ Mua hàng hóa	442.606.137	17.244.889.254	-	-
▪ Phí dịch vụ quản lý	-	41.389.312.688	-	(19.654.007.992)
Các bên liên quan				
Công ty TNHH Một Thành viên				
Công nghiệp Masan				
▪ Bán hàng hóa	67.407.900	1.203.380.297	-	-
▪ Mua hàng hóa	28.071.664.235	18.813.765.521	(7.657.192.690)	(11.658.192.547)
▪ Mua tài sản cố định và công cụ và dụng cụ	934.568.192	-	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên				
Masan MB				
▪ Bán hàng hóa	-	-	-	2.400.002
Công ty TNHH Một Thành viên				
Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến				
▪ Bán hàng hóa	11.804.800	23.634.160	-	-
▪ Mua hàng hóa	2.873.000	-	-	-
▪ Mua tài sản cố định	-	8.205.613	-	-
▪ Mua dịch vụ	30.801.096.190	24.670.290.356	(13.198.578.271)	(15.134.979.166)
Công ty Cổ phần				
VinaCafé Biên Hòa				
▪ Cung cấp dịch vụ	98.671.200.000	88.482.480.192	-	18.029.103.840
▪ Bán thành phẩm	195.937.259.989	151.529.434.461	62.381.473.503	22.206.169.550
▪ Mua hàng hóa	36.471.500	1.213.067.402	-	(834.643.095)
Công ty Cổ phần				
Nước khoáng Quảng Ninh				
▪ Mua hàng hóa	372.316.704	-	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên				
Masan Brewery Distribution				
▪ Mua hàng hóa	169.320.001	126.811.430	-	(65.322.274)

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018, Tập đoàn có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam các điều khoản thông thường.

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh
Kế toán Tổng hợp



Võòng Sau Nhộc
Kế toán Trưởng



Nguyễn Trọng Hiền
Tổng Giám đốc



31/03/2019
T. AN
D. LA
/IN





CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

ĐT: 0252 3852 069 Fax: 0252 3852 019 website: www.vinhhao.com.vn

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Kính thưa: Các quý vị cổ đông,

1. Tình hình kinh doanh và những thành tựu chính Công ty đã đạt được trong năm 2018:

Năm 2018 tiếp tục là một năm thành công của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”) được thể hiện như sau:

- Doanh thu thuần: 685 tỷ đồng, bằng 89,7% so với năm 2017, vượt 14,2% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế riêng của Công ty: 80 tỷ đồng, bằng 82% so với năm 2017, đạt 100% so với kế hoạch.

Nhìn chung, trong năm 2018, nhờ kết quả của việc hiện đại hóa máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất, đầu tư phát triển sản phẩm, xây dựng thương hiệu để phát triển danh mục các sản phẩm mới mang tính ổn định, lâu dài trong các năm 2013 – 2015, Công ty đã hoàn thành kế hoạch đặt ra trong năm 2018 ở mức cao.

2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2018:

Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thực hiện:

- Giám sát, chỉ đạo Ban điều hành trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc và Ban điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh cho Công ty;
- Quyết định việc cơ cấu lại mô hình kinh doanh và cơ cấu tổ chức của Công ty, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý;
- Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị hoạt động không có thù lao.
- Các quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty được ban hành trong năm 2018:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	01/2018/NQ-HĐQT	09/3/2018	Phê duyệt việc chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị tất cả các vấn đề liên quan.
2.	02/2018/NQ-HĐQT	12/4/2018	Bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023.
3.	03/2018/NQ-HĐQT	15/8/2018	Chấm dứt hoạt động một số chi nhánh của

			Công ty.
4.	04/2018/NQ-HĐQT	27/8/2018	Ủy quyền cho Tổng Giám đốc liên quan đến con dấu của Công ty.
5.	05/2018/NQ-HĐQT	27/8/2018	Phê duyệt việc từ nhiệm Giám đốc tài chính của Công ty.
6.	06/2018/NQ-HĐQT	27/8/2018	Phê duyệt việc bổ nhiệm Kế toán trưởng của Công ty.
7.	07/2018/NQ-HĐQT	22/11/2018	Phê duyệt ngân sách đầu tư tài sản cố định của Công ty.
8.	08/2018/NQ-HĐQT	29/11/2018	Phê duyệt việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Công ty.
9.	09/2018/NQ-HĐQT	12/12/2018	Phê duyệt việc thành lập chi nhánh của Công ty.

3. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành:

- Tổng Giám đốc và Ban điều hành của Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty;
- Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty đã kịp thời cập nhật tình hình, đưa ra các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị phương án giải quyết;
- Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ và hiệu quả các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội đồng Quản trị;
- Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã hoạt động tích cực, vận dụng hiệu quả các nguồn lực kinh doanh của Công ty.

4. Mục tiêu hoạt động năm 2019:

- Dự kiến năm 2019, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, hiện đại hóa máy móc thiết bị tại các nhà máy của Công ty; đồng thời với việc đầu tư xây dựng nhà máy, cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị của công ty con nhằm giảm tổn thất nguyên vật liệu, điện, nước, chi phí vận chuyển.
- Năm 2019, Công ty tiếp tục mở rộng phân phối trên toàn quốc, tạo nền tảng sức mạnh cho nhãn hiệu nước khoáng số 1 Việt Nam, đồng thời với việc tập trung vào các thị trường trọng điểm.
- Năm 2019, Công ty tiếp tục thực hiện phương thức bán hàng qua hệ thống phân phối của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan, nhằm tăng cường sự hiệp lực dựa trên nền tảng vận hành của Masan Group và MasanConsumerHoldings, mang lại lợi ích kinh tế và chiến lược cho Công ty và các cổ đông của Công ty.
- Năm 2019, Công ty sẽ tung ra các sản phẩm mới được phát triển trên nền khoáng quý Vĩnh Hảo cũng như phát triển các sản phẩm chủ lực với hai tiêu chí cốt lõi: vừa tốt cho sức khỏe người tiêu dùng và vừa giải khát sáng khoái.

Chúng tôi tin rằng với đội ngũ nhân lực tài năng, nhiều kinh nghiệm và đầy tâm huyết, chúng ta sẽ đạt được những mục tiêu kinh doanh trong năm 2019.

Xin cảm ơn.

Tỉnh Bình Thuận, ngày 01 tháng 04 năm 2019

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký, đóng dấu)

PHẠM HỒNG SƠN



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận.

ĐT: 0252 3739106 Fax: 0252 3739108 website: www.vinhhao.com.vn

Tỉnh Bình Thuận, ngày 01 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

Kính gửi: Quý vị cổ đông Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

- Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“**Công ty**” hoặc “**Vĩnh Hảo**”);
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG;

Ban Kiểm Soát xin báo cáo trước Đại Hội Đồng Cổ Đông kết quả thẩm định tình hình tài chính Công ty năm 2018 và công tác quản lý Công ty của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong năm 2018 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2018:

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã thực hiện:

1. Tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý các hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc (TGD) liên quan đến việc tuân thủ các qui định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty.
2. Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2018;
3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
4. Xem xét Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ của Công ty năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.
5. Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp để xem xét các hoạt động liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị công ty theo quy định. Cũng như hoạt động của HĐQT, năm 2018 thành viên Ban kiểm soát không nhận thù lao và hoạt động của Ban kiểm soát không phát sinh bất kỳ chi phí hoạt động nào.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2018:

1. Bảng cân đối kế toán Hợp nhất:

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		316.058.556.934	271.115.275.664
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	148.259.253.808	156.909.733.917
Tiền	111		2.259.253.808	3.109.733.917
Các khoản tương đương tiền	112		146.000.000.000	153.800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		133.766.533.690	59.992.233.885
Phải thu của khách hàng	131	5	113.084.879.221	45.084.391.888
Trả trước cho người bán	132		18.847.615.619	13.238.242.537
Phải thu ngắn hạn khác	136	6(a)	1.834.038.850	1.677.189.166
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		-	(7.589.706)
Hàng tồn kho	140	7	32.183.539.930	51.358.694.835
Hàng tồn kho	141		34.399.159.065	51.497.440.357
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.215.619.135)	(138.745.522)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.849.229.506	2.854.613.027
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		417.518.787	1.517.088.161
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.431.710.719	1.337.524.866
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		508.769.869.828	596.392.228.343
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.408.926.791	3.052.436.791
Phải thu dài hạn khác	216	6(b)	1.408.926.791	3.052.436.791
Tài sản cố định	220		485.205.184.068	576.509.394.982
Tài sản cố định hữu hình	221	8	184.641.814.909	214.814.386.430
Nguyên giá	222		362.383.359.102	362.439.145.561
			(177.741.544.193)	
Giá trị hao mòn lũy kế	223		)	(147.624.759.131)
Tài sản cố định vô hình	227	9	300.563.369.159	361.695.008.552
Nguyên giá	228		368.237.660.068	409.285.415.068
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.674.290.909)	(47.590.406.516)
Tài sản dở dang dài hạn	240		11.589.626.552	3.631.315.341
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	11.589.626.552	3.631.315.341
Tài sản dài hạn khác	260		10.566.132.417	13.199.081.229
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	9.992.795.985	8.272.696.307
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	573.336.432	4.926.384.922
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		824.828.426.762	867.507.504.007

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		181.180.809.763	304.700.024.988
Nợ ngắn hạn	310		93.836.291.896	157.714.262.769
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	47.812.884.486	71.931.767.809
Người mua trả tiền trước	312		79.270.242	1.941.066.767
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	19.584.225.082	10.871.323.213
Chi phí phải trả	315	15	14.283.648.428	44.169.554.633
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	1.281.498.370	928.255.596
Vay ngắn hạn	320	17	10.038.055.272	27.115.584.735
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		756.710.016	756.710.016
Nợ dài hạn	330		87.344.517.867	146.985.762.219
Phải trả người bán dài hạn	331	13	34.357.772.000	75.405.528.000
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	218.434.000	16.699.996.007
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	12	49.623.823.617	53.426.451.837
Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.144.488.250	1.453.786.375
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	18	643.647.616.999	562.807.479.019
Vốn chủ sở hữu	410	18	643.647.616.999	562.807.479.019
Vốn cổ phần	411	19	131.000.000.000	131.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	19	14.208.000.000	14.208.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	1.756.439.018	1.756.439.018
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		496.679.285.497	415.838.768.751
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		415.838.768.751	317.455.738.769
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		80.840.516.746	98.383.029.982
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.892.484	4.271.250
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		824.828.426.762	867.507.504.007

2/. Kết quả kinh doanh Hợp nhất:

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	688.461.004.059	793.859.357.738
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	3.214.944.133	29.681.633.062
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	685.246.059.926	764.177.724.676
Giá vốn hàng bán	11	23	542.066.864.113	421.231.017.182
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		143.179.195.813	342.946.707.494
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4.938.001.861	7.329.366.120
Chi phí tài chính	22	25	1.489.218.994	5.021.709.269
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.469.567.444	5.021.371.419
Chi phí bán hàng	25		5.826.670.028	181.362.925.106
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	38.757.908.475	49.266.265.208
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		102.043.400.177	114.625.174.031
Thu nhập khác	31		344.092.182	305.057.168
Chi phí khác	32		963.377.865	181.087.077
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(619.285.683)	123.970.091
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		101.424.114.494	114.749.144.122
Chi phí thuế TNDN – hiện hành	51	28	20.033.556.244	19.999.989.570
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN – hoãn lại	52	28	550.420.270	(3.633.491.322)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		80.840.137.980	98.382.645.874
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang từ trang trước sang)	60		80.840.137.980	98.382.645.874
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		80.840.516.746	98.383.029.982
Cổ đông không kiểm soát	62		(378.766)	(384.108)

III. NHẬN XÉT VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CÔNG TY CỦA HĐQT NĂM 2018:

1. Năm 2018, HĐQT cơ bản đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
2. HĐQT đã có những hoạt động chỉ đạo, phối hợp hiệu quả với TGD để giải quyết nhanh chóng các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty;
3. Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IV. NHẬN XÉT CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CÔNG TY CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2018:

1. Năm 2018, TGD đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty, triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời, hiệu quả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; chủ động lập kế hoạch, điều hành sản xuất kinh doanh; củng cố bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty tinh gọn, hiệu quả.
2. Cùng với TGD, Ban điều hành Công ty có sự phối hợp chặt chẽ, chủ động, tích cực trong tìm kiếm giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kết luận:

- Các hoạt động của Công ty trong năm 2018 về cơ bản tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Trong năm 2018, Ban kiểm soát chưa tìm thấy dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu;

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo năm 2019.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TM. Ban Kiểm Soát
Trưởng Ban**

(Đã ký, đóng dấu)

Lê Văn An



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

ĐT: 0252 3852 069 Fax: 0252 3852 019 website: www.vinhhao.com.vn

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
V/v: Kế hoạch kinh doanh năm 2019

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khoá 13 nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty như sau:

(Tỷ đồng)	Kế hoạch 2019	
	Thấp	Cao
Doanh thu thuần	700	850
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu của Công ty	90	110

Tỉnh Bình Thuận, ngày 01 tháng 04 năm 2019

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký, đóng dấu)

PHẠM HỒNG SƠN

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VINH HẢO***Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận**ĐT: 0252 3852 069 Fax: 0252 3852 019 website: www.vinhhao.com.vn***TỜ TRÌNH**
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2018**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khoá 13 nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 và lợi nhuận giữ lại tính đến thời điểm 31/12/2018 như sau:

Đơn vị tính	VNĐ'000
Doanh thu thuần	685.246.060
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	101.424.114
Thuế thu nhập Doanh nghiệp	20.033.556
Thuế thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại	550.420
Tổng Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	80.840.138
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông vốn chủ sở hữu Công ty trong kỳ	80.840.517
Lợi nhuận giữ lại đầu kỳ	415.838.769
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế của Công ty trong kỳ	80.840.517
Chia cổ tức trong kỳ	-
Trích lập quỹ	-
Lợi nhuận giữ lại cuối kỳ	496.679.286

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 của Công ty:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 0 đồng.
- Chia cổ tức: 0 đồng.

Đồng thời, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2019. Phê duyệt việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, kế hoạch kinh doanh và đảm bảo tối ưu hóa dòng tiền, được toàn quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc tạm ứng cổ tức năm 2019, bao gồm nhưng không giới hạn về quyết định thực hiện tạm ứng cổ tức, mức tạm ứng cổ tức, thời gian, phương thức chi trả (nếu có).

Tỉnh Bình Thuận, ngày 01 tháng 04 năm 2019

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký, đóng dấu)

PHẠM HỒNG SƠN



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

ĐT: 0252 3852 069 Fax: 0252 3852 019 website: www.vinhhao.com.vn

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khoá 13 nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019 của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Tỉnh Bình Thuận, ngày 01 tháng 04 năm 2019

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký, đóng dấu)

PHẠM HỒNG SƠN



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

ĐT: 0252 3852 069 Fax: 0252 3852 019 website: www.vinhhao.com.vn

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

V/v: thông qua các giao dịch đầu tư của Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khoá 13 nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“**Công ty**”).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các giao dịch đầu tư của Công ty như sau:

Nhằm tối ưu hóa việc quản lý dòng tiền, và tăng thu nhập tài chính, thông qua các giao dịch đầu tư, mua, bán trái phiếu (bao gồm trái phiếu do các công ty thành viên, công ty liên kết trong Tập đoàn Masan trên thị trường thứ cấp), chứng chỉ tiền gửi, và các tài sản khác phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan (“**Các Giao Dịch Đầu Tư**”) và ủy quyền cho Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, và cho phép Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị ủy quyền lại cho người quản lý khác của Công ty:

1. quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của Các Giao Dịch Đầu Tư và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các Giao Dịch Đầu Tư, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các Giao Dịch Đầu Tư (nếu có); và
2. ký kết và thực hiện Các Giao Dịch Đầu Tư và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các Giao Dịch Đầu Tư, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các Giao Dịch Đầu Tư (nếu có).

Tỉnh Bình Thuận, ngày 01 tháng 04 năm 2019

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký, đóng dấu)

PHẠM HỒNG SƠN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO**

Số:/2019/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oOo-----

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2019

NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 đã được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“**Công Ty**” hoặc “**Vĩnh Hảo**”);
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty ngày 11/4/2019.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong năm 2018.
- Điều 2.** Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công Ty và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc trong năm 2018.
- Điều 3.** Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về công tác quản lý Công ty năm 2018 và định hướng phát triển Công Ty.
- Điều 4.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 của Công Ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.
- Điều 5.** Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công Ty.

<i>(Tỷ đồng)</i>	Kế hoạch 2019	
	Thấp	Cao
Doanh thu thuần	700	850
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu của Công ty	90	110

- Điều 6.** Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2018 của Công ty.

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 0 đồng.
- Chia cổ tức: 0 đồng.

- Điều 7.** Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2019. Phê duyệt việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, kế hoạch kinh doanh và đảm bảo tối ưu hóa dòng tiền, được toàn quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc tạm ứng cổ tức năm 2019, bao gồm nhưng không giới hạn về quyết định thực hiện tạm ứng cổ tức, mức tạm ứng cổ tức, thời gian, phương thức chi trả (nếu có).
- Điều 8.** Phê duyệt việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019 của Công ty là Công ty TNHH KPMG.
- Điều 9.** Phê duyệt thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2019: 0 đồng.
- Điều 10.** Nhằm tối ưu hóa việc quản lý dòng tiền, và tăng thu nhập tài chính, thông qua các giao dịch đầu tư, mua, bán trái phiếu (bao gồm trái phiếu do các công ty thành viên, công ty liên kết trong Tập đoàn Masan trên thị trường thứ cấp), chứng chỉ tiền gửi, và các tài sản khác phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan (“**Các Giao Dịch Đầu Tư**”) và ủy quyền cho Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, và cho phép Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị ủy quyền lại cho người quản lý khác của Công ty:
1. quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của Các Giao Dịch Đầu Tư và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các Giao Dịch Đầu Tư, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các Giao Dịch Đầu Tư (nếu có); và
 2. ký kết và thực hiện Các Giao Dịch Đầu Tư và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các Giao Dịch Đầu Tư, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các Giao Dịch Đầu Tư (nếu có).
- Điều 11.** Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
- Điều 12.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phạm Hồng Sơn